

Vai trò của luật tục Thái đối với sự hình thành ý thức pháp luật và đạo đức

Trần Thị Ngọc Anh¹, Hoàng Văn Sơn²

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Email: thanhngoc112003@yahoo.com

² Trường Trung cấp Luật Tây Bắc.

Nhận ngày 21 tháng 10 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 11 năm 2016.

Tóm tắt: Luật tục của người Thái có lịch sử hình thành lâu đời, chứa đựng nhiều giá trị văn hóa. Một trong những giá trị đó là góp phần hình thành và nâng cao ý thức pháp luật và ý thức đạo đức cho người Thái. Trong Luật tục của người Thái có nhiều nội dung khuyên con người sống và làm việc theo pháp luật, bảo vệ môi trường tự nhiên, đoàn kết, sống có tình nghĩa. Hiện nay, nhiều người ít quan tâm hoặc lãng quên về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái. Nhiều giá trị truyền thống của dân tộc Thái trong luật tục đang bị mai một. Vì vậy, khi bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái cần phải quan tâm bảo tồn giá trị văn hóa trong luật tục này.

Từ khóa: Luật tục, giá trị văn hóa, truyền thống, người Thái, Việt Nam.

Abstract: The customary laws of the Thai ethnic minority people have been in existence for generations now. Among the many cultural values that the laws contain is the contribution to the formation and enhancement of the cognition by the Thai toward law and ethics. The Thai customary laws include advising people to live and work in compliance with the law, protecting the environment, and lead lives of solidarity and sentimental attachment. Presently, many traditional values of the Thai ethnic group have been falling into oblivion. When preserving and promoting the values, it is necessary to attach importance to preserving the cultural values in Thai customary laws.

Keywords: Customary laws, cultural values, traditional, the Thai, Vietnam.

1. Mở đầu

Trong văn hóa của dân tộc Thái có luật tục. Luật tục là những quy tắc xử sự do cộng

đồng xây dựng nên và được truyền từ đời này sang đời khác. Các hương ước, quy ước (của làng, bản, thôn, xóm hoặc của một cộng đồng, một tộc người nhất định) là một

hình thức biểu hiện của luật tục. Luật tục của người Thái có lịch sử hình thành lâu đời (được văn bản hóa với tên gọi chung là “Hịt khoong”); có giá trị nhiều mặt; là nguồn tư liệu gốc để nghiên cứu xã hội Thái cổ truyền và hiện đại; thể hiện những sắc thái văn hóa; là kho tàng tri thức bản địa tiềm ẩn các giá trị lịch sử và nhân văn sâu sắc. Trong hệ thống luật tục Thái đã được văn bản hóa có quy định: nghi lễ (cúng tế bản mường, thờ tổ tiên, cưới xin, tang ma, lễ hội...); giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong xã hội (quan hệ vợ chồng, quan hệ hàng xóm láng giềng, quan hệ về kế thừa tài sản...); xử lý các mâu thuẫn xã hội; hình thức tổ chức các nghi lễ và đạo lý làm người. Luật tục Thái hiện nay vẫn có một vai trò tích cực đối với sự phát triển của cộng đồng. Bài viết phân tích vai trò của luật tục Thái trên phương diện hình thành ý thức pháp luật và đạo đức.

2. Vai trò của luật tục Thái đối với sự hình thành ý thức pháp luật

Luật tục Thái gồm hệ thống các quy định điều chỉnh hành vi của mọi người dân trong bản mường. Tính tiến bộ của luật tục Thái thể hiện ở quan niệm bình đẳng trong việc thực hiện và xử phạt. Theo đó, mọi người (không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dòng dõi quý tộc, quan lại và dân thường) đều phải tuân thủ các quy định đặt ra. Bất kỳ ai vi phạm đều phải bị xử phạt theo quy định. Thậm chí, quan lại còn bị phạt nặng hơn. Luật tục Thái hình thành trong thời kỳ phong kiến sơ kỳ; còn mang nặng tư tưởng tôn giáo; đề cao uy quyền; coi trọng chữ tín; có tính dân chủ sơ khai (dưới sự đại diện của

hội đồng gồm thủ lại, thông lại, phía tạo, bô lão toàn mường); có những quy định xử phạt khác nhau đối với từng đối tượng mặc dù có cùng một hành vi phạm tội. Chẳng hạn, một văn bản về luật tục quy định về xét xử và phạt vạ tội ngoại tình ghi: “Nếu trai trót yêu gái để gái chửa hoang là phạm vào lệ bản, luật mường”. Việc xử lý theo lệ của người Thái xưa truyền lại là: “Lệ bản 12, luật mường 24” [10, tr.272]. Quy định này có nghĩa rằng, nếu án nha, thổ lại, thông lại, phía mường, con tạo đang đương chức làm cho con gái chửa hoang thì bị phạt vạ 24 nén bạc; nếu người phạm tội là con tạo không giữ chức quyền, kể cả những người đã được mang danh hiệu chuông, chiêng thì bị phạt 13 nén bạc; nếu người vi phạm là con trai thuộc họ bình dân cho dù ở địa vị xã hội nào thì cũng chỉ bị phạt 12 nén bạc.

Luật tục Thái có tính tiến bộ. Bởi vì, luật tục đòi hỏi người làm quan, dòng dõi quý tộc phải là người xứng đáng và trở thành tấm gương đại diện cho bản mường; quy định mức phạt và hình phạt đối với người phạm tội là án nha, quan lại, dòng dõi quý tộc, thân tộc, người đương chức cao hơn mức phạt của người dân thường.

Tuy nhiên, do còn mang nặng tư tưởng đức trị và ảnh hưởng của người có uy tín trong bản mường cho nên luật tục Thái vẫn có những quy định mang tính thiên vị. Ví dụ, “Ông *xen*, ông *pọng*, ông *ho luông* và ông *mo*, ông *pú cháu căm tang* bị phạt vạ vì đã làm cho đàn bà, con gái chửa hoang thì họ được án nha giảm số tiền chi nộp bằng một nửa số tiền phạt theo lệ quy định cho mọi người” [10, tr.144]. Việc giảm nhẹ hình phạt xuất phát từ quan niệm về vị trí và vai trò của các chức quan. Các ông *xen*, ông *pọng*, ông *ho luông* là những ông quan cao cấp, là tay chân gần gũi của án nha, phía. Ông *mo* là

người giữ kỷ cương, phép tắc, phong tục, tập quán luật lệ. Ông phú châu cầm tang (tuy địa vị xã hội nhỏ nhưng địa vị tôn giáo, tín ngưỡng thì lớn) là người nắm giữ gia phả họ quý tộc thống trị châu mừng (tiếng Thái gọi là “phi hươn” tức “ma nhà”). Những người này khi vi phạm vào luật tục thì được giảm một nửa tiền phạt.

Dù có những quy định về tăng nặng hay giảm nhẹ mức xử phạt cho các đối tượng khác nhau, nhưng xét đến cùng thì hệ thống luật tục Thái không đưa bất kỳ một đối tượng nào ra khỏi sự điều chỉnh của nó. Tất cả các thành viên trong xã hội đều phải tuân thủ, nếu vi phạm thì phải chịu hình phạt (nộp phạt bằng tiền, bạc hoặc rượu, gà, lợn, trâu; nếu người phạm tội nặng thì phải làm tội tở cả đời, hoặc đui đi nơi khác hay bị giết chết). Như vậy, luật tục hình thành cho dân thói quen chấp hành các quy định của bản mường.

Trong xã hội Thái cổ truyền, việc xử lý các hành vi phạm tội được thực hiện chủ yếu thông qua các hình thức như đền bù tài sản lấy cấp, nộp tiền phạt vạ kèm theo cúng vía cho người bị hại. Không có hình phạt gán với các thiết chế nhà tù hay giam giữ. Tuy nhiên, tùy theo từng lỗi vi phạm mà trong luật tục Thái có các quan niệm, hình phạt mang tính răn đe nghiêm khắc, phần nào triệt tiêu động cơ phạm tội của người dân. Người Thái cho rằng, những ai đi ăn trộm, dù bắt được hay không bắt được, chỉ cần thấy dấu chân là người ta có thể làm phép khiến kẻ ăn trộm gặp tai họa, thậm chí bị chết. Quan niệm như vậy làm cho mọi người hoảng sợ trước kết cục xấu nên không dám vi phạm. Luật tục Thái tăng hiệu quả giáo dục răn đe lên bằng cách đặt hậu quả phải chịu lên trước hành vi trong đạo lý làm người. Ví dụ, một luật tục ghi:

“Muốn bị bắt làm tôi đòi thì đi trộm trâu. Muốn chết thì hãy đi chơi vợ người” [10, tr.278]. Trong quy định về xử phạt trộm cắp và về đường ngoại tình, có luật tục viết: “Ăn cắp trâu nếu người ta bắt được thì kẻ cắp bị bản mường bắt đến làm tôi đòi cho nhà lớn án nha, thư lại, thông lại, phìa ly, phìa phó” [10, tr.144]; “Nếu vợ ngoại tình, chồng bắt được có quyền đánh và giết vợ cũng như người tình mà không bị án mạng” [10, tr.146].

Ngoài đề ra các quy định và hình phạt đối với người phạm tội, luật tục Thái còn quan tâm tới việc ngăn chặn ý đồ, động cơ gây tội của kẻ gian bằng cách khuyên người có tài sản phải biết cất giấu, bảo vệ tài sản của mình. Ví dụ, một luật tục ghi: “Gạo nước có bao nhiêu phải giữ kín. Bạc, vàng có bao nhiêu phải giấu. Bởi vì thóc ở trong bồ, trong bịch cũng là “giặc”. Vợ nằm bên cạnh mình cũng là “giặc”. Vòng bạc, vòng vàng đeo bên hông cũng là “giặc” [10, tr.460].

3. Vai trò của luật tục Thái đối với sự hình thành ý thức bảo vệ môi trường

Không chỉ tìm cách xử lý những mối quan hệ giữa con người với con người (trong gia đình và xã hội), luật tục Thái còn xử lý các mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên (trời, đất, rừng núi, sông hồ và muôn loài). Về danh nghĩa, tất cả đất đai, ruộng nương, nguồn nước, núi rừng, sông hồ, sản vật thiên nhiên đều là sở hữu chung của cộng đồng. Mọi người tùy theo thân phận, địa vị mà được phân phối theo định kỳ để khai thác những tài sản ấy. Ví dụ, việc phân chia tài sản được quy định trong một luật tục người Thái như sau: “Điều 28: Án nha ăn mười mẫu ruộng trong phạm vi

bản Chiềng Ly. Án nha thu “thóc lười” của dân hàng châu. Mỗi một mẫu ruộng dân phải nộp một tạ thóc. Có chín bản nhóc, bảy bản công. Điều 30: Thù lại ăn sáu mẫu ruộng ở trong bản Chiềng Ly, được hưởng ba bản nhóc và hai bản công. Điều 31: Thù lại ăn năm mẫu ruộng ở trong bản Chiềng Ly, được hưởng ba bản nhóc, ba bản công. Điều 41: ông chá hươn ở Bản Lặng ăn hai mẫu ruộng và làm việc cho xổng ho luông và làm việc về đường cúng tế theo ông mo. Điều 64: đất ruộng trong bản còn bao nhiêu thì đem chia cho dân mừng gánh vác theo lệ truyền lại. Ai lĩnh ít ruộng thì đi việc mừng ít, ai lĩnh nhiều thì đi nhiều, không lĩnh thì không phải đi” [10, tr.74, 78, 94]. Với các quy định cụ thể như vậy, luật tục Thái đã xác lập quyền sở hữu công cộng. Mọi tài sản đều là của chung, người trong mừng phải theo quy định mà khai thác. Đối với các sản vật trong thiên nhiên (như bò rừng, gấu, cho đến tổ ong, mật ong...), mọi người đều được khai thác. Nhưng nếu được khai thác thì phải biểu án nha và các phía ở trong mừng. Đối với những tài sản lớn của các cá nhân như đại gia súc thì việc giết mổ đại gia súc cũng phải theo quy định của luật tục. Dân chúng hoặc các quan bản có ý định mổ trâu thì phải lên xin với án nha và các phía trước. Họ cho phép mới được mổ, họ không cho phép thì không được mổ. Ai làm sai bị phạt vạ 1-2 nén bạc [10, tr.128-134].

Ý thức tôn trọng, bảo vệ môi trường tự nhiên còn thể hiện ở quy định rằng không ai được xâm phạm rừng cấm, vùng cấm, nguồn nước thiêng, nơi các vị thần trú ngụ. Việc xác lập quyền sở hữu công cộng đối với các tài sản lớn và việc thần thánh hóa những bí ẩn và sức mạnh linh thiêng làm cho các cư dân không được hành động cảm

tính, mà phải có ý thức tôn trọng, bảo vệ, giữ gìn, biết ơn và chung sống hòa đồng đối với thiên nhiên.

4. Vai trò của luật tục Thái đối với sự hình thành tinh thần đoàn kết, lối sống tình nghĩa

Đoàn kết là truyền thống lâu đời của nhân dân ta, được hình thành trên nền tảng nhu cầu cố kết cộng đồng trong lao động sản xuất nông nghiệp, được tôi luyện qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước trước sự xâm lược của nhiều kẻ ngoại bang hùng mạnh. Người ta vẫn thường kể cho nhau nghe câu chuyện huyền thoại về bọc trăm trứng đẻ ra một trăm con, câu chuyện đó nhắc nhở thế hệ đi sau biết nhớ về nguồn cội mà yêu thương nhau và đoàn kết với nhau. Người Thái cũng lấy gốc rễ để nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc mình qua các dữ kiện được nhắc đến trong luật tục. Ví dụ, theo một luật tục của người Thái đen ở Thuận Châu và Mai Sơn, ngày xưa người Thái Đen ở đất Hán, đưa nhau xuống “ăn” Mừng Lò. “Mừng bản đầy toàn người, Mừng Lò trở nên “chật nơi ăn, hẹp nơi ở”. “Cụ chủ Lạng Chượng họ Lò Cầm đã tập hợp được 12 họ người Thái gồm: Lò Ngân, Lò Nội, Lường, Cà, Quàng, Tòng, Leo, Vi, Lù, La, Mè lên ở đất Thái như bây giờ”. “Cụ chủ Lạng Chượng đưa người Thái Đen lên ăn Mừng Thanh”. “Từ cụ chủ Lạng Chượng xuống tới cụ Lò Cầm Lết có 12 đời người”. “Cụ chủ Ngu Hấu (biệt hiệu là Lò Lết) ăn Mừng Muối, Mừng Muối mới trở thành gốc của đất Thái Đen” [10, tr.66].

Luật tục Thái đặc biệt đề cao tinh thần đoàn kết, xây dựng cộng đồng xã hội yên

bình thịnh trị. Việc đoàn kết và cố kết cộng đồng được quy định thành luật tục thông qua việc xử phạt những ai gây tổn hại cho người khác. Trong các hình thức xử phạt người phạm tội, ngoài quy định về mức phạt tối thiểu (như ăn trộm thì phải trả lại của lấy cắp), còn có quy định rằng người phạm tội phải lễ để cúng vía, cúng hồn cho người bị hại. Ví dụ, một luật tục quy định về xử phạt đối với người ăn cắp: “Ai ăn cắp mạ đã ngâm (cả che) phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía (peng) cho chủ ma 5 đồng cân bạc và trả lại số mạ đã lấy. Ai ăn cắp lúa ở ruộng, lúa mùa no phạt 15 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lúa 1,5 lạng bạc và trả lại số lúa đã lấy” [10, tr.354]; “Ai đánh ông bà ruột của mình phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho ông, bà” [10, tr.378]; “Luật xử phạt ai trêu ghẹo vợ hay chồng người ta đi đến tan hoang cửa nhà phải phạt 25 lạng bạc, ngoài ra phải cúng vía 30 lạng bạc kèm theo rượu lợn...” [10, tr.383]; “Vợ chồng lấy nhau phải khi ốm đau, dù trường hợp nào cũng vậy, phải trông nom nhau chu đáo. Nếu vợ ốm chồng phải chăm sóc, thuốc thang, nếu chồng bỏ đi, không trông nom, phạt nhà chồng 35 lạng bạc kèm theo rượu, trâu để cúng vía cho người vợ... Nếu chồng ốm, vợ phải chăm sóc, thuốc thang, nếu vợ bỏ đi, không trông nom, phạt nhà vợ 35 lạng bạc kèm theo rượu, trâu để cúng vía cho chồng” [10, tr.404].

Luật tục yêu cầu mọi người phải đoàn kết, anh em và người thân phải biết yêu thương, tôn trọng và thường xuyên qua lại thăm viếng. Ví dụ, một luật tục của người Thái ghi: “Anh em đừng bỏ nhau. Không nặng tiếng, trái lời. Không xóc mách nhỏ nhen. Phải năng tới hỏi thăm. Phải đoàn kết nhớ lấy. Không đi lại thăm viếng. Hãy nhớ

câu tục ngữ không sai: Cây không róc thành gai, người thân không thăm hỏi thành người dung”; “Thương nhau ở bát canh. Mến nhau ở lời nói. Đừng nói quá lời. Đừng kể quá câu. Đừng khen mình chê người. Hai bên nể nang nhau tựa như có đường cái lớn dành bỏ trống. Hai bên không nể nang nhau tựa như luôn luôn thụi đầu vào gối nhau. Mình khinh người, người khinh lại mình. Ta nhường nhịn người, người nhường nhịn lại ta. Mình thương người, người thương lại mình” [10, tr.426, 428, 430]; “Anh em bốn góc nhà (láng giềng) phải đoàn kết. Đừng để cho bọn xấu vào gây tội ác. Tốt, xấu cần tới nhau. Có thịt ngon hãy chia cho nhau cùng hưởng. Mình đưa đi. Người đem lại. Miếng ăn lại trở thành vật thông suốt anh em. Tốt, xấu ta hiểu nhau kỹ càng. Chữ “đoàn kết” nhớ mãi không bao giờ phai” [10, tr.462].

5. Kết luận

Với hệ thống các quy định điều chỉnh hành vi của dân cư, luật tục Thái phản ánh nhận thức của người Thái trong giai đoạn phong kiến sơ kỳ. Trong thời kỳ này, dù xã hội Thái đã xác lập chế độ gia đình phụ quyền (khởi nguồn cho nền chuyên chế gia trưởng), nhưng luật tục Thái vẫn thể hiện nhiều tư tưởng tiến bộ, mạnh mẽ cho sự ra đời của một xã hội bình đẳng, đoàn kết và tiến bộ. Trong nhịp sống hiện đại, nhiều người ít quan tâm hoặc lãng quên về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái. Nhiều giá trị truyền thống của dân tộc Thái đang bị mai một. Vì vậy, chúng ta cần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái, trong đó có giá trị văn hóa trong luật tục.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vi Văn An (1999), *Luận án Tiến sĩ: “Thiết chế bản - mừng truyền thống của người Thái ở miền Tây Nghệ An”*, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Việt Hương (2000), “Giá trị của luật tục từ góc nhìn pháp lý”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 4.
- [3] Nguyễn Việt Hương (2000), “Pháp luật và tập quán trong điều chỉnh các quan hệ xã hội”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 4.
- [4] Lê Vương Long (2000), “Pháp luật và tập quán trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội”, Tạp chí *Luật học*, số 2.
- [5] *Luật tục và phát triển nông thôn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, (2000).
- [6] Phan Đăng Nhật (2007), *Luật tục với đời sống*, t.1, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Quốc Phẩm (2000), “Luật tục và ý thức pháp luật trong quản lý xã hội các vùng dân tộc thiểu số ở nước ta”, Tạp chí *Nghiên cứu lý luận*, số 5.
- [8] Vi Văn Sơn (2008), *Luận văn Thạc sĩ Luật học: “Luật tục Thái trong tự quản cộng đồng bản dân tộc Thái tỉnh Nghệ An”*, Hà Nội.
- [9] Vi Văn Sơn (2015), *Luận án Tiến sĩ Luật học: “Luật tục người Thái và sự vận dụng trong quản lý nhà nước đối với cộng đồng người Thái ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam”*, Hà Nội.
- [10] Ngô Đức Thịnh, Cầm Trọng (1999), *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [11] Cầm Trọng (2005), *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Cầm Trọng (2000), “Luật tục Thái với việc bảo vệ môi trường”, *Luật tục và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] Cầm Trọng (2005), *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Cầm Trọng, Phan Hữu Dật (1995), *Văn hóa Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [15] Vương Trung (2010), *Chương Hán*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [16] Bùi Xuân Trường (1999), *Tác dụng của luật tục đối với việc quản lý xã hội ở các dân tộc Thái, H’mông - Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [17] Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian (2000), *Luật tục và sự phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [18] Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), Cầm Trọng, Khả Tiến, Tòng Kim Ân (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [19] Lò Vũ Văn (2010), *Văn hóa dân gian người Thái*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [20] Hoàng Trọng Vĩnh (2006), *Luận văn Thạc sĩ Luật học: “Mối quan hệ giữa pháp luật với phong tục, tập quán trong điều chỉnh các quan hệ xã hội ở nước ta hiện nay”*, Hà Nội.